

Số: 4200/QĐ-UBND

Tân Châu, ngày 17 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp,
huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch;
Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật (mã số QCVN 07:2016/BXD);
Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện,



quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BTNMT ngày 02/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức cho hoạt động thực hiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch;

Căn cứ Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án rà soát thực hiện quy hoạch và định hướng phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Công văn số 3548/SXD-QHPTĐT ngày 31/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc Triển khai lập quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2255/HD-SXD ngày 09/9/2021 của Sở Xây dựng Tây Ninh về xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và lập, thẩm định, phê duyệt chi phí lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2257/HD-SXD ngày 09/09/2021 của Sở Xây dựng về việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 3548/SXD-QHPTĐT ngày 31/12/2021 của Sở Xây dựng về triển khai lập quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2917/SXD-QHPTĐT ngày 15/10/2024 của Sở Xây dựng về việc ý kiến đối với Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND huyện Tân Châu về Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035;

Căn cứ Hồ sơ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 do Công ty TNHH QLXD và Đô thị Miền Nam lập;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 2.19/TTr-KTHT ngày 17/10/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 với nội dung như sau:

1. Tên Dự án: Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

2. Quy mô, phạm vi nghiên cứu

Toàn bộ diện tích tự nhiên xã Tân Hiệp là 3.792,92 ha. Được xác định tứ cận như sau:

Phía Bắc: giáp xã Tân Hội;

Phía Nam: giáp xã Thạnh Đông;

Phía Tây: giáp xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên;

Phía Đông: giáp xã Suối Dây

3. Mục tiêu quy hoạch

Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn với việc xây dựng các cơ sở hạ tầng, dịch vụ và phát triển đô thị dựa vào định hướng quy hoạch. Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi, giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị;

Xây dựng định hướng phát triển không gian trên địa bàn xã đến năm 2035, hướng đến mục tiêu giữ vững chuẩn nông thôn mới, tạo tiền đề đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;

Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng, đồng thời làm cơ sở cho việc hướng dẫn, quản lý đất đai, và đầu tư xây dựng dựa vào định hướng quy hoạch trên địa bàn xã.

4. Xác định khu vực tiềm năng, động lực và dự báo phát triển

4.1. Dự báo quy mô dân số

Năm 2030: khoảng 7.000 người.

Năm 2035: khoảng 8.000 người.

4.2. Dự báo quy mô lao động

Đơn vị hành chính	Lao động (người)	
	Năm 2030	Năm 2035
Xã Tân Hiệp	6.000	6.300

4.3. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

5. Quy hoạch định hướng phát triển không gian

5.1. Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt

Xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, cơ giới hóa với công nghệ, kỹ thuật cao áp dụng quy trình VietGAP và GlobalGAP (cánh đồng lớn) đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Tăng nhanh diện tích cây trồng sử dụng giống xác nhận, qua bình chọn. Đẩy mạnh phát triển theo chiều sâu các cây trồng có thế mạnh (khoai mì, cao su, mía).

Chỉ tiêu chủ yếu phát triển diện tích, sản lượng cây trồng toàn huyện

Hạng mục	Tốc độ tăng đến năm 2025		Diện tích gieo trồng	Sản lượng thu hoạch
	Diện tích	Sản lượng	Ha	Tấn
	%			
Cây chất bột có củ: Khoa mì	0,8	2,0	18.200	800.000
Cây công nghiệp lâu năm: Cao su	0,0	0,3	30.000	29.500
Cây công nghiệp hằng năm: Mía	0,5	1,7	8.700	739.500

Nguồn: Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tổng thể PTKT – XH huyện Tân Châu

b) Chăn nuôi

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường và phát triển bền vững. Phương thức chăn nuôi chủ yếu là bán công nghiệp, công nghiệp với quy mô thích hợp cho từng loại vật nuôi. Tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển các vùng trang trại chăn nuôi tập trung với một số vật nuôi có thế mạnh của xã (gà, heo).

Chỉ tiêu phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã

	Bò	Heo	Gà	Vịt
Xã Tân Hiệp	-	Quy mô vừa	Quy mô nhỏ	-

Nguồn: Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tổng thể PTKT – XH huyện Tân Châu

Di dời và nâng cấp các cơ sở giết mổ tập trung gắn với các vùng phát triển

chăn nuôi trên địa bàn. Khuyến khích nâng cấp và đầu tư xây dựng mới hệ thống trạm kỹ thuật phục vụ chăn nuôi.

5.2. Quy hoạch tuyến, điểm dân cư

5.2.1. Định hướng điểm dân cư khu trung tâm xã Tân Hiệp

Trung tâm xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có quy mô 81,69 ha.

Khu vực đề xuất lập quy hoạch có tính chất là khu trung tâm hiện hữu của xã, đóng vai trò làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cho toàn xã. Bên cạnh đó, với lợi thế giáp 2 tuyến đường huyết mạch khuyến khích đẩy mạnh giao thương với các xã tiếp giáp và các huyện lân cận.

Giữ nguyên vị trí công trình hiện hữu như bao gồm: UBND xã, trạm y tế, các công trình giáo dục hiện hữu, bưu điện và chợ Tân Hiệp.

Theo quy định, mỗi xã cần được quy hoạch ít nhất một khu trung tâm. Các công trình trụ sở cơ quan cấp xã sẽ được quy hoạch tập trung tại khu trung tâm. Hơn nữa dựa vào các tiêu chí định hướng trên điểm dân cư trung tâm xã được hình thành tại ấp Thạnh An, phần lớn diện tích tiếp giáp với 2 tuyến đường chính là ĐT.785 và đường Tân Hiệp - Sóc Miên và có các chức năng chính như sau:

Trụ sở các cơ quan xã: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Công an, Xã đội, các đoàn thể, ...

Các công trình công cộng của toàn xã: Nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, sân thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, bưu điện, dịch vụ văn hóa;

Khu ở nông thôn: thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo nhà liên kề xen kẽ dọc theo đường phải hài hòa với kiến trúc tổng thể và đảm bảo mỹ quan của khu vực;

Nhu cầu sử dụng đất khu vực trung tâm xã nên chiếm khoảng 10-20% đất xây dựng xã. Trong tương lai có thể mở rộng khu vực trung tâm từ các khu vực dự trữ phát triển xây dựng, đất dự trữ cơ quan nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu cần thiết của xã.

5.2.2. Định hướng các khu dân cư mới và khu dân cư cải tạo

Đối với khu dân cư hiện hữu phân bố dọc các tuyến ĐT.785, đường trục xã, đường liên ấp, đường nội đồng... Trong tương lai, vẫn sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Đối với khu dân cư phát triển mới sẽ được mở rộng trên khu dân cư hiện hữu hoặc nằm liền kề với khu dân cư hiện hữu, lựa chọn giải pháp phát triển theo dạng tập trung, không định hướng quy hoạch khu dân cư bám dọc các tuyến đường giao thông.

5.2.3. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã Tân Hiệp có quy mô nhỏ, tuy nhiên phát triển tương đối nhanh trong thời gian qua, đã góp phần to lớn vào sự phát triển của nền kinh tế của xã.

Tăng cường công tác khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào các ngành công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay sản phẩm nông nghiệp được vận chuyển trực tiếp từ vùng nguyên liệu đến gần thị trường tiêu thụ, sau đó mới được chế biến, đóng gói để phân phối tiêu thụ.

5.2.4. Thương mại dịch vụ

Huyện Tân Châu thuộc vùng phát triển thứ 3 của tỉnh với định hướng quy hoạch sử dụng đất thương mại - dịch vụ phát triển gắn với ổn định và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo và thương mại quy mô nhỏ tại các vùng biên giới. Tuy nhiên, thương mại dịch vụ trên địa bàn xã Tân Hiệp còn rất thấp chiếm tỉ trọng không cao nên cần được chú trọng định hướng và phát triển.

Trung tâm xã Tân Hiệp tập trung phát triển thương mại dịch vụ. Cải tạo, chỉnh trang chợ Tân Hiệp, đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu sử dụng cho người dân trên địa bàn. Làm động lực phát triển thương mại dịch vụ cho toàn xã.

5.2.5. Định hướng tổ chức kết hợp các khu vực chức năng khác

a) Định hướng quy hoạch các công trình tôn giáo, di tích

Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và phát triển khu dân cư không được phép ảnh hưởng đến các công trình tôn giáo, di tích. Cần được quan tâm tu bổ và nâng cấp.

Bảo tồn các công trình tôn giáo, di tích hiện có trên địa bàn xã, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của người dân và là những công trình kiến trúc đẹp của xã.

b) Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp

Bố trí khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp: 10.800m², có vị trí tại ấp Tân Trường, chức năng sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường).

6. Nội dung Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

7. Định hướng sử dụng đất đến năm 2035

Stt	Chức năng	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích 2035 (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	3.337,53	87,99	3.299,21	86,98
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	3.275,98	86,37	3.237,66	85,36

Stt	Chức năng	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích 2035 (ha)	Tỷ lệ (%)
1.1.1	Đất trồng cây hằng năm khác	344,54	9,08	0,00	0,00
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	2.931,44	77,29	3.235,87	85,36
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	20,16	0,53	20,16	0,53
1.3	Đất nông nghiệp khác	41,39	1,09	41,39	1,09
2	Đất xây dựng	360,75	9,51	399,07	10,52
2.1	Đất ở	64,70	1,71	71,48	1,88
2.2.1	Trung tâm xã	15,80	0,42	17,45	0,46
2.2.2	Điểm dân cư số 01	7,16	0,19	7,91	0,21
2.2.3	Điểm dân cư số 02	12,65	0,33	13,97	0,37
2.2.4	Điểm dân cư số 03	12,56	0,33	13,88	0,36
2.2.5	Điểm dân cư số 04	5,21	0,14	5,76	0,15
2.2.6	Dân cư còn lại	11,32	0,30	12,51	0,33
2.2	Đất công cộng	6,96	0,18	8,68	0,23
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	4,21	0,11	4,21	0,11
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,62	0,04	1,62	0,04
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	114,76	3,03	117,40	3,10
	Cụm công nghiệp	75,00	1,98	75,00	1,98
	Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	39,76	1,05	42,40	1,12
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	6,30	0,17
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	5,88	0,16	5,88	0,16
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	127,52	3,36	150,19	3,96
2.8.1	Đất giao thông	124,20	3,27	146,72	3,87
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	0,00	0,00
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,29	0,09	3,35	0,09
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,03	0,00	0,12	0,00
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	34,39	0,91	34,39	0,91
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,71	0,02	0,71	0,02
3	Đất khác	94,64	2,50	94,64	2,50
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	94,64	2,50	94,64	2,50
3.2	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng	3.792,92	100	3.792,92	100

(Trong quá trình triển khai đồ án, quy mô diện tích các chức năng có thể xem xét điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu về quản lý, phát triển dự án và quy chuẩn hiện hành)

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a) Giao thông đường bộ

Đường Quốc lộ 22C: Theo đề án rà soát thực hiện quy hoạch và định hướng phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng tuyến quốc lộ 22C đoạn đi qua địa bàn xã được nâng cấp từ đường ĐT.785. Đoạn đi qua địa bàn xã Tân Hiệp dài 4,63 km, điểm đầu là ranh giới xã Tân Hiệp – Thạnh Đông, điểm cuối là ranh giới xã Tân Hiệp – Tân Hội. Quy hoạch đến 2030 đạt đạt tối thiểu là cấp III, quy mô mặt cắt 2-4 làn xe.

Đường tỉnh ĐT.793: Đoạn đi qua địa bàn xã Tân Hiệp dài 2,51 km, điểm đầu là ranh xã Tân Hiệp – Thạnh Đông, điểm cuối ranh xã Tân Hiệp – Tân Hội. Theo đề án rà soát thực hiện quy hoạch và định hướng phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp II - III, lộ giới 63m.

Đường tỉnh ĐT.797 (đường Thiện Ngôn – Tân Hiệp): Đoạn đi qua địa bàn xã dài 7,94 km, điểm đầu giao với đường ĐT.793, điểm cuối là đường QL.22C. Theo đề án rà soát thực hiện quy hoạch và định hướng phát triển hạ tầng giao thông tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp III, lộ giới 45m, đầu tư sau năm 2030.

Đường huyện ĐH.801: Đoạn đi qua địa bàn xã Tân Hội dài 7,04 km, điểm đầu giao với đường ĐT.793 điểm cuối giao với đường QL.22C. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, mặt đường láng nhựa, chiều rộng mặt đường 7,0m, nền đường 9,0m, lộ giới 30m.

Đường huyện ĐH.816: Đây là tuyến đường huyện định hướng mở mới. Đoạn đi qua địa bàn xã Tân Hiệp dài 3,92 km, điểm đầu là ranh giới xã Tân Hiệp – Thạnh Đông điểm cuối là đường ĐT.797 (ranh giới xã Tân Hiệp – Tân Hội). Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, mặt đường láng nhựa, chiều rộng mặt đường 7,0m, nền đường 9,0m, lộ giới 30m.

b) Thống kê mạng lưới giao thông đường bộ

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền

- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa công tác đào đắp, phá vỡ sinh thái tự nhiên và khối lượng san đắp nền kinh tế nhất.

- Cao độ nền xây dựng phù hợp với cao độ khống chế của từng dự án nhằm phát huy tối đa giá trị không gian kiến trúc cảnh quan và đảm bảo cho dự án không bị ngập lụt trong mọi điều kiện.

- Xác định lưu vực và hướng thoát nước chính phù hợp với địa hình tự nhiên, tận dụng hệ thống sông, kênh, rạch hiện có làm các trục tiêu nước chính

cho khu vực khi mưa lớn gây lũ.

- Căn cứ vào địa hình tự nhiên, căn cứ vào bản đồ định hướng quy hoạch tổ chức không gian, căn cứ vào tình hình ngập lụt và khả năng xảy ra tình trạng ngập lụt trên địa bàn huyện, từ đó làm cơ sở đưa ra giải pháp xác định cao độ nền không chế cho toàn xã là $H_{xd} \geq 26,0m$.

b) Thoát nước mặt

- Giải pháp thoát nước mưa cho toàn xã là thiết kế hệ thống thoát nước mưa chung với nước thải sinh hoạt. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt khu vực phần lớn sẽ thấm tự nhiên, phần còn lại sẽ được gom về hệ thống công dọc theo các trục giao thông trước khi đầu nối vào hệ thống kênh rạch. Đối với khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung xây dựng hệ thống công thoát nước tập trung trên nguyên tắc thoát nước nhanh nhất vào nguồn tiếp nhận.

- Nguồn thoát nước mưa và hướng thoát nước: thoát ra các kênh rạch gần nhất.

- Hệ thống công thoát nước sử dụng công BTCT có khả năng chịu lực, kích thước công tính toán theo chu kỳ tràn công $T=2$ năm, kích thước công biến đổi từ công hộp B600mm đến B1500mm.

Tiến hành chia toàn bộ khu vực thành nhiều lưu vực thoát nước chính nhằm mục đích thu gom 100% lượng nước mưa từ nơi phát sinh ra nguồn tiếp nhận một cách nhanh nhất, ngoài ra còn nhằm mục đích tránh lưu lượng dồn về một lưu vực => Giảm khẩu độ đường kính.

8.3. Cấp nước

a) Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 80 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ cấp nước đến năm 2035 $\geq 90\%$.

Tiêu chuẩn cấp nước công cộng dịch vụ: $q = 10\% Q_{sh}$.

Lưu lượng nước rò rỉ, dự phòng: $q = 15\% Q$

Dự báo nhu cầu dùng nước:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Định hướng quy hoạch					
			Đến năm 2030			Đến năm 2035		
			Quy mô (người)	Chỉ tiêu	Nhu cầu ($m^3/ngày$)	Quy mô (người)	Chỉ tiêu	Nhu cầu ($m^3/ngày$)
1	Tỷ lệ dân số được cấp nước	%	85%			90%		
2	Nước sinh hoạt	$m^3/người$	7.700	80 l/ng/	524	8.000	100 l/ng/	720

				ngày			ngày	
3	Nước sinh hoạt ngày max ($K_{\text{ngàymax}} = 1,2$)	m ³ /người	7.700	80 l/ng/ ngày	628	8.000	100 l/ng/ ngày	864
4	Nước công trình công cộng	m ³	10% Qsh ngày max		63	10% Qsh ngày max		86
5	Nước sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp	m ³	8% Qsh ngày max		50	8% Qsh ngày max		69
6	Tổng nhu cầu dùng nước	m ³	(3)+(4)+(5)		741	(3)+(4)+(5)		1.020
7	Nước rò rỉ, dự phòng	m ³	15% (6)		111	15% (6)		153
TỔNG			(6) + (7)		853	(6) + (7)		1.172

b) Tiêu chuẩn cấp nước cho cụm công nghiệp

Chỉ tiêu cấp nước cho cụm công nghiệp:

Năm 2030: 22 m³/ha.

Năm 2035: 30 m³/ha.

Nhu cầu cấp nước cho cụm công nghiệp 75,0 ha:

Năm 2030: 1.650 m³/ngày.đêm.

Năm 2035: 2.250 m³/ngày.đêm.

c) Tổng công suất cấp nước

Công suất cấp nước tính đến năm 2030: 853 + 1.650 ≈ 2.600 m³/ngày.đêm.

Công suất cấp nước tính đến năm 2035: 1.172 + 2.250 ≈ 3.500 m³/ngày.đêm.

d) Nguồn Cấp

- Giai đoạn ngắn hạn: dân cư tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm và nguồn nước từ trạm cấp nước tập trung hiện hữu, cụm công nghiệp xây dựng trạm cấp nước riêng.

- Giai đoạn dài hạn:

+ Nước cấp cho dân cư được lấy từ nhà máy nước Tân Châu ở thị trấn Tân Châu công suất 20.000 m³/ngày.đêm (theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

+ Đối với dân cư rải rác trước mắt sử dụng nguồn nước ngầm, khi có điều kiện kinh tế thì sẽ đầu nối với nguồn nước chung để đảm bảo 85-90% dân cư trong

xã được cấp nước sạch từ hệ thống mạng lưới.

+ Nước cấp cho cụm công nghiệp: xây dựng trạm cấp nước phục vụ riêng cho cụm công nghiệp.

8.4. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

8.5. Cấp điện

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

8.6. Thông tin liên lạc

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

9. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

Chi tiết theo Thuyết minh tổng hợp.

10. Các chương trình, dự án dự kiến đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Thời gian thực hiện	Mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Quyết định CTĐT/ BCKTKT
1	Trường TH Tân Hiệp (Điểm trường ấp Thạnh Phú – điểm chính)	- Tổng năng lực thiết kế của công trình: xây mới 05 phòng học và 05 phòng chức năng; cải tạo 07 phòng và công trình phụ trợ. - Tính riêng năng lực thiết kế của Đề án CSVCGD: Xây dựng mới 05 phòng học và trang thiết bị.	2023-2025	12.251	Vốn tinh hỗ trợ 50% theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục là 1.538 triệu đồng + vốn NS huyện (Đối ứng 50% theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục + CBĐT và phần còn lại)	1886QĐ-UBND ngày 14/6/2023 695/QĐ-UBND ngày 07/3/2024
2	Trường TH Tân Hiệp (Điểm trường ấp Tân Bình -	- Tổng năng lực thiết kế của công trình: xây mới 06 phòng; cải tạo 06 phòng và công trình phụ trợ.	2023-2025	4.174	Vốn tinh hỗ trợ 50% theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục là 1.624 triệu đồng + vốn (TW+tinh) hỗ trợ xây dựng NTM 709 triệu đồng + vốn NS	1885QĐ-UBND ngày 14/6/2023 696/QĐ-UBND ngày 07/3/2024



STT	Danh mục dự án	Quy mô	Thời gian thực hiện	Mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Quyết định CTĐT/ BCKTKT
	Điểm lẻ)	- Tính riêng năng lực thiết kế của Đề án CSVCGD: Xây mới 06 phòng học và trang thiết bị.			huyện (Đổi ứng 50% theo Đề án đảm bảo cơ sở vật chất giáo dục + CBĐT và phần còn lại)	
Tổng mức đầu tư				16.425		

11. Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hiệp được duyệt.

2. Các cơ quan, ban, ngành có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Tân Hiệp.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài Nguyên và Môi trường huyện, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND xã Tân Hiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT & các PCT.UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu VP.HĐND-UBND huyện.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Bình